

Bản án số: 197/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô;

2. Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Chí T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 138/12 đường NT, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Quảng Đức T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 411/23 KT, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 343/11 đường TQ, Phường V, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/10/2021); (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn Tường L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 8/22 đường H, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/10/2021). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi làm việc: Số 676/22 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Trung S, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 676/22 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Chí T có người đại diện theo ủy quyền là ông Quảng Đức T, ông Nguyễn Tường L trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 15/7/2021 ông Phạm Chí T và bà Dương Thị T có ký Giấy nhận tiền ngày 15/7/2021 theo đó, ông T cho cá nhân bà T vay số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng không tính lãi, với mục đích để trả tiền mua 02 căn nhà tại số 676/19 và số 676/22 cùng đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn trả tiền là 01 (một) tháng kể từ ngày nhận tiền là ngày 15/7/2021. Sau khi hết thời hạn vay, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền, tuy nhiên cho đến nay bà T mới chỉ trả cho ông T số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Số tiền vay còn lại là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng bà T không trả mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở bà T. Ngày 09/10/2021, ông T có đến nhà bà T yêu cầu đòi lại tiền nhưng bà T không trả nên sau đó hai bên có ký Giấy xác nhận nợ tiền vay mượn đề ngày 09/10/2021 với nội dung bà T xác nhận số tiền nợ còn lại là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng và đề nghị cho bà T thêm thời hạn 03 (ba) tháng tính từ ngày 09/10/2021 để hoàn trả số tiền trên cho ông T. Đến hạn trả tiền, mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ bằng điện thoại và đến tận nhà nhưng bà T tìm mọi cách né tránh. Việc bà T không trả tiền vay đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của ông T và gia đình. Ông Phạm Chí T xác định số tiền cho bà T vay là tiền của cá nhân ông, không liên quan đến ai khác. Ông T cũng xác định chỉ cho cá nhân bà Dương Thị T vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 5 giải quyết: Buộc bị đơn là bà Dương Thị T phải trả cho nguyên đơn là ông Phạm Chí T số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi, đồng thời buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên làm một lần khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Về phía bị đơn bà Dương Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Trung S, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy nhận tiền ngày 15/07/2021 và Giấy xác nhận nợ tiền vay mượn ngày 09/10/2021 đã ký thì thỏa thuận vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn bà Dương Thị T có địa chỉ cư trú tại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Dương Thị T tại Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Giấy xác nhận nợ tiền vay mượn ngày 09/10/2021, bị đơn lại ghi nhận địa chỉ của mình tại Số 676/22 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết quả xác minh cư trú của Công an Phường D, Quận N trả lời cho Công văn số 143 và 234/2022/TAQ5 của Tòa án nhân dân Quận 5 thì bị đơn bà Dương Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019 đến nay. Địa chỉ Số 676/22 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi bị đơn thuê để làm tiệm làm tóc. Hiện nay, bị đơn bà Dương Thị T và ông Phan Trung S không thực tế cư trú tại hai địa chỉ nêu trên, đi đâu không rõ.

Theo Công văn số 3661/CAQ-QLHC ngày 18/8/2022 của Công an Quận N trả lời cho Công văn số 221/TAQ5 của Tòa án nhân dân Quận 5 thì bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 10/2021 đến nay, không rõ đi đâu. Công văn cũng xác nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung S có đăng ký thường trú tại cùng địa chỉ Số 676/19 đường V, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ông S cũng đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 10/2021 đến nay, không rõ đi đâu.

Tại Công văn số 1534/QLXNC-P5 ngày 20/6/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh trả lời Công văn số 102/TAQ5 ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 5 thì bị đơn bà Dương Thị T đã được cấp hộ chiếu ngày 15/11/2021, hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại Công văn số 1535/QLXNC-P5 ngày 20/6/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh trả lời Công văn số 103/TAQ5 ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 5 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung S đã xuất nhập cảnh 01 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 26/11/2021, hiện chưa có thông tin xuất cảnh.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục thông thường.

Đối với bị đơn là bà Dương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Trung S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật số tiền đã vay là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét Giấy nhận tiền ngày 15/07/2021 và Giấy xác nhận nợ tiền vay mượn ngày 09/10/2021 có chữ ký, chữ viết của bị đơn. Bị đơn là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý ký tên xác nhận, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối đối với những tài liệu này.

Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong Giấy nhận tiền ngày 15/07/2021 và Giấy xác nhận nợ tiền vay mượn ngày 09/10/2021 là có thật.

Do bị đơn đã được nguyên đơn nhắc nhở nhiều lần về việc trả lại số tiền vay trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 15/7/2021, sau đó bị đơn tiếp tục xác nhận nợ và đề nghị gia hạn thời hạn trả 03 (ba) tháng tính từ ngày 09/10/2021 nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã vay là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền đã vay và một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 91; Điều 147; Điều 191; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt đại diện nguyên đơn - ông Quảng Đức T, ông Nguyễn Tường L, bị đơn - bà Dương Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Trung S.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Chí T số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng. Bà Dương Thị T phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị T phải chịu 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn ông Phạm Chí T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Phạm Chí T số tiền 20.250.000 (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0009711 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADS Q5;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Phương).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thái Hòa